

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DSST

Ngày: 21-8-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03-4-2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2018, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch là ông Đậu Văn C trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 10/2018, nguyên đơn đã cho bị đơn vay 02 lần. Cụ thể:

Ngày 10 tháng 02 năm 2018, bà Ch cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, không thỏa thuận lãi. Ngày 17 tháng 10 năm 2018, bà Ch tiếp tục cho bà T vay số tiền 14.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận tiền lãi. Đến hạn thanh toán của 02 khoản vay trên, bà Ch đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả số tiền trên. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Ch yêu cầu Tòa án như sau:

- Đối với khoản vay ngày 10-02-2018: tiền gốc 60.000.000 đồng; tiền lãi 12 tháng (tính từ ngày 11-8-2018 đến ngày 08-8-2019) $\times 1\% = 7.200.000$ đồng. Tổng cộng là 67.200.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 17-10-2018: tiền gốc 14.000.000 đồng; tiền lãi 05 tháng (tính từ ngày 18-11-2018 đến ngày 18-4-2019) $\times 1\% = 700.000$ đồng. Tổng cộng là 14.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất 0,83%/tháng đối với cả 02 khoản vay. Cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay ngày 10-02-2018: Tiền gốc 60.000.000 đồng; tiền lãi trong 12 tháng (tính từ ngày 11-8-2018 đến ngày 08-8-2019) $\times 0,83\% = 5.976.000$ đồng.

- Đối với khoản vay ngày 17-10-2018: tiền gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi trong 05 tháng (tính từ 18-11-2018 đến ngày 18-4-2019) $\times 0,83\% = 581.000$ đồng.

Tổng số tiền bà Ch yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà Ch là 80.557.000 đồng (trong đó tiền gốc là 74.000.000 đồng, tiền lãi là 6.557.000 đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy mượn tiền” ngày 10-02-2018 và “Giấy mượn tiền” ngày 17 - 10- 2018.

Ngoài ra, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn bà T

đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà T theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà T có nơi cư trú tại ấp 1, xã H, huyện Bg, tỉnh Bình Dương (Biên bản xác minh ngày 11-4-2019). Do vậy, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Ch với bà T lập ngày 10-02-2018 và ngày 17-10-2018 được thể hiện dưới hình thức “Giấy mượn tiền” có kỳ hạn, không thỏa thuận trả tiền lãi, có chữ ký xác nhận của các bên thể hiện việc các đương sự tự nguyện giao dịch với nhau. Nội dung thỏa thuận về việc vay tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên điều khoản về vay tiền do các bên lập là có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa hai bên. Do bà Trần Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu hoàn trả số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi của 02 khoản vay như sau:

- Đối với khoản vay ngày 10-02-2018: Tiền gốc 60.000.000 đồng; tiền lãi trong 12 tháng (tính từ ngày 11-8-2018 đến ngày 08-8-2019) $\times 0,83\% = 5.976.000$ đồng.

- Đối với khoản vay ngày 17-10-2018: Tiền gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi trong 05 tháng (tính từ 18-01-2018 đến ngày 18-4-2019) $\times 0,83\% = 581.000$ đồng.

Xét yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền gốc và lãi là 80.557.000 đồng (tiền gốc là 74.000.000 đồng; tiền lãi là 6.557.000 đồng).

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu (lãi suất từ 1%/tháng xuống còn 0,83%/tháng) tương đương với số tiền 1.343.000 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11-01-2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch đối với bị đơn bà Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 80.557.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền lãi là 1.343.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Ch.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị T phải chịu 4.027.850 đồng (bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ch 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0020955 ngày 04-4-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Ngân

